

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Đoàn Thị Dịu.
2. Ông Nguyễn Văn Chuyết.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Quỳnh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại phòng xét xử tầng 2 trụ sở Chi cục thuế khu vực Nam Ninh, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2022 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1981; Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1981; Trú tại: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị N và anh H vắng mặt (đều đề nghị được xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn xin ly hôn và Bản tự khai, chị Phạm Thị N trình bày:*

Chị đăng ký kết hôn với anh Trần Văn H vào ngày 09/5/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do thời gian tìm hiểu về nhau không nhiều, dẫn đến tính cách, quan điểm sống khác nhau nên thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng

trầm trọng. Từ năm 2013 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng tôi không đoàn tụ được với nhau nên làm đơn xin ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai, anh Trần Văn H trình bày:*

Anh xác nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân giữa vợ chồng là đúng. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau, nay chị N làm đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản, công nợ: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều xin được xét xử vắng mặt vì vậy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn H. Về con chung, về tài sản, công nợ: Không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị N và anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị N và anh H là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1. Về tình cảm: Chị Phạm Thị N kết hôn với anh Trần Văn H vào ngày 09/5/2008 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do thời gian tìm hiểu về nhau không nhiều, dẫn đến tính cách, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ năm 2013 vợ chồng sống ly thân, không ai quan

tâm đến ai. Xét thấy, giữa chị N và anh H đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, vợ chồng sống ly thân gần 10 năm, đến nay hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh H đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị N là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

2.3. Về tài sản, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**1.** Xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị N và anh Trần Văn H.

**2.** Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị N nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001999 ngày 17/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

**3.** Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, chị Phạm Thị N và anh Trần Văn H có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Bùi Văn Dũng**